

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
BẢNG HAI**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình:

Tiếng việt: **Tài chính – Ngân hàng**

Tiếng Anh: Finance - Banking

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Hình thức đào tạo: Chính quy/Vừa làm vừa học

4. Tổng khối lượng kiến thức: 75 tín chỉ

5. Thời gian đào tạo: 2 năm

6. Khoa/viện đào tạo: Khoa Kế toán – Tài chính

7. Quyết định ban hành: /QĐ-ĐHNT, ngày tháng năm 2017.

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH VÀ BỔ SUNG KIẾN THỨC

1. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, trái ngành

TT.	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác (năm)
1	Ngành đúng/phù hợp	Không	Không
	1. Kế toán		
	2. Ngân hàng		
	3. Bảo hiểm		
2	Ngành gần	Không	Không
	Quản trị kinh doanh		
	Quản trị kinh doanh lữ hành		
	Kinh tế thương mại		
	Kinh tế nông nghiệp		
	Hệ thống thông tin quản lý		
3	Ngành khác/trái ngành	Không	Không
	Các ngành khác ngoại trừ các ngành đã liệt kê ở ngành đúng và ngành gần.		

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

TT.	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
	Tổng			

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			
A.1.	Các học phần bắt buộc		
A.2.	Các học phần tự chọn		
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
I.	Kiến thức cơ sở ngành		
I.1.	Các học phần bắt buộc		25
1	ECS329	Kinh tế vi mô	3
2	ECS330	Kinh tế vĩ mô	3
3	FIB341	Tài chính – tiền tệ	3
4	FIB339	Toán tài chính	2
5	FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3
6	ACC325	Nguyên lý kế toán	3
7	ACC345	Kế toán tài chính	4
8	FIB348	Bảo hiểm	2
9	FIB354	Tài chính công	2
I.2.	Các học phần tự chọn		3
10	BUA336	Luật kinh doanh	3
11	ECS335	Marketing căn bản	3
12	AUD349	Kế toán quản trị	3
II.	Kiến thức ngành		
II.1.	Các học phần bắt buộc		39
13	FIB358	Thị trường chứng khoán	3
14	FIB323	Quản trị tài chính 1	3
15	FIB351	Quản trị tài chính 2	3
16	FIB352	Tài chính quốc tế	3
17	FIB337	Thuế	3
18	FIB345	Ngân hàng thương mại	3
19	FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
20	FIB360	Lập, thẩm định dự án đầu tư	3
21	FIB357	Đầu tư tài chính	3
22	FIB362	Thanh toán quốc tế	3
23	FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3
24	ACC331	Kế toán ngân hàng	2
25	FIB369	Thẩm định tín dụng	2
26	FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2
II.2.	Các học phần tự chọn		3

	FIB367	Quản trị ngân hàng thương mại	3
	BUA364	Quản trị chiến lược	3
	FIB371	Kiểm soát nội bộ	3
III.	Tốt nghiệp		
	FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp	5
	Tổng số tín chỉ:		69
	Tổng số tín chỉ bắt buộc:		6
	Tổng số tín chỉ tự chọn:		75

IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO HỌC KỲ

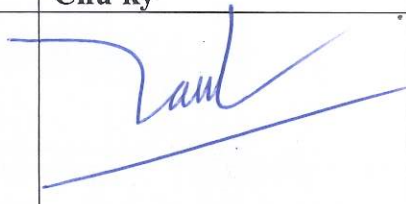
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ
I	Các học phần bắt buộc		17
	ECS329	Kinh tế vi mô	3
	ECS330	Kinh tế vĩ mô	3
	FIB341	Tài chính – tiền tệ	3
	FIB339	Toán tài chính	2
	FIB343	Tài chính doanh nghiệp	3
	ACC325	Nguyên lý kế toán	3
	Các học phần tự chọn		3
	BUA336	Luật kinh doanh	3
	ECS335	Marketing căn bản	3
	AUD349	Kế toán quản trị	3
II	Các học phần bắt buộc		20
	ACC345	Kế toán tài chính	4
	FIB354	Tài chính công	2
	FIB348	Bảo hiểm	2
	FIB358	Thị trường chứng khoán	3
	FIB323	Quản trị tài chính 1	3
	FIB337	Thuế	3
	FIB345	Ngân hàng thương mại	3
	Các học phần tự chọn		
III	Các học phần bắt buộc		17
	FIB351	Quản trị tài chính 2	3
	FIB361	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3
	FIB352	Tài chính quốc tế	3
	ACC331	Kế toán ngân hàng	2
	FIB360	Lập, thẩm định dự án đầu tư	3
	FIB362	Thanh toán quốc tế	3
	Các học phần tự chọn		3
	FIB370	Quản trị ngân hàng thương mại	3

	BUA364	Quản trị chiến lược	3
	FIB371	Kiểm soát nội bộ	3
IV	Các học phần bắt buộc		15
	FIB357	Đầu tư tài chính	3
	FIB365	Quản trị rủi ro tài chính	3
	FIB369	Thẩm định tín dụng	2
	FIB372	Thẩm định giá trị doanh nghiệp	2
	FIB374	Chuyên đề tốt nghiệp	5

Thư ký Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Chu Thị Lê Dung	Thạc sỹ	

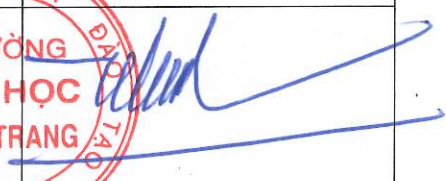
Tổ trưởng Tổ cập nhật

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
Võ Văn Cần	Tiến sĩ	

Trưởng phòng Đào tạo

Họ và tên	Chức danh, học vị	Chữ ký
<i>Trần Doãn Hùng</i>		

Người duyệt Chương trình

Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
<i>Trang Sĩ Trung</i>	Hiệu Trưởng	



Ngày duyệt: / /2017.